

Số: 2315/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 3724/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố ban hành về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3169/TTr-SNV ngày 29/12/2016, Tờ trình số 317/TTr-SNV ngày 20/02/2017 và Tờ trình số 715/TTr-SNV ngày 30/3/2017,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

##### **I. Đối tượng áp dụng.**

1. Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý; công chức; cán bộ, công chức cấp xã;
2. Viên chức chuyên môn một số ngành;

- Y tế;
- Giáo dục và đào tạo;
- Văn hóa, nghệ thuật;
- Khoa học, công nghệ;
- Công nghệ thông tin;
- Ban quản lý dự án.

## **II. Phạm vi đào tạo, bồi dưỡng.**

Ngoài các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, đang thực hiện tại Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, Quyết định số 1961/QĐ-TTg ngày 25/10/2010, Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đề án tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, năng lực làm việc, ý thức, tinh thần trách nhiệm, thái độ ứng xử, phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố.

## **III. Mục tiêu chung.**

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhận thức sâu sắc về Tư tưởng Hồ Chí Minh; tạo sự đổi mới, cải cách mạnh mẽ, nâng cao thực chất chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tạo sự nhận thức chung, thống nhất, cùng đồng hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Thủ đô.

## **IV. Mục tiêu cụ thể, chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.**

1. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý; công chức chuyên môn nghiệp vụ đang làm việc trong các sở, cơ quan ngang sở, UBND quận, huyện, thị xã; công chức, viên chức thuộc các Ban quản lý dự án của Thành phố, các sở, UBND quận, huyện, thị xã.

### **a) Mục tiêu.**

- Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với Giám đốc, Phó giám đốc sở, cơ quan tương đương sở, Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND quận, huyện, thị xã; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; công chức chuyên môn nghiệp vụ; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp xã; công chức bộ phận một cửa, tiếp công dân.

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, phát triển dự án của công chức, viên chức lãnh đạo quản lý Ban quản lý dự án;

### **b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.**

b.1) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 400 (484 lượt) cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý sở, quận, huyện, thị xã:

- Phần chương trình trong nước: Quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình kinh tế thế giới, khu vực, trong nước và Thủ đô; tầm nhìn, quản lý chiến lược trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chế độ trách nhiệm và các kiến thức bổ trợ khác.

- Phần chương trình học tập kinh nghiệm quốc tế: Chọn, cử 84 học viên là Giám đốc sở, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp huyện đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước (trong đó có chính sách công, hiện đại hóa nền hành chính) và quản lý chuyên ngành; kinh nghiệm hội nhập quốc tế với phương châm tiếp cận những kiến thức tiên tiến nhất của Thế giới. Nội dung, chương trình, tài liệu, giảng viên thực hiện hợp đồng với các trường Đại học của Australia, trường đào tạo cán bộ cao cấp của Chính phủ Australia và NewZealand.

b.2) Đào tạo, bồi dưỡng 1734 Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng sở, quận, huyện về lãnh đạo quản lý, quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế.

b.3) Đào tạo, bồi dưỡng 5500 công chức chuyên môn, nghiệp vụ về nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ.

b.4) Đào tạo, bồi dưỡng 1432 Chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp xã về nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, thực thi công vụ, nhiệm vụ.

b.5) Đào tạo, bồi dưỡng 2700 công chức tiếp công dân, bộ phận một cửa nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ.

b.6) Tổ chức đào tạo công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý Ban quản lý dự án 200 (240 lượt) người:

- Chương trình trong nước: Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, phát triển dự án;

- Chương trình nước ngoài: cử 40 trưởng Ban quản lý dự án đi học tập kinh nghiệm của các nước phát triển.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 1 kèm theo.

2. Đào tạo công chức mới được tuyển dụng; nguồn chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, trưởng công an xã.

a) Mục tiêu.

Thí điểm, cải cách tuyển dụng, đào tạo công chức nhằm nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực chuyên môn cao, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tạo nguồn cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý của Thành phố.

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

b.1) Thí điểm tổ chức đào tạo 1000 công chức mới được tuyển dụng theo phương pháp đào tạo của trường Hành chính ENA (Pháp): Tổ chức thi tuyển công chức của Thành phố đối với đối tượng tốt nghiệp đại học hệ chính quy, tập trung, xếp loại khá trở lên, dưới 35 tuổi, sau đó đào tạo theo phương pháp tiên tiến của trường hành chính - ENA (Pháp). Nội dung đào tạo: Kiến thức pháp luật, kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước; chính sách công; tiếng Anh nâng cao, tin học nâng cao và các kiến thức bổ trợ khác. Đào tạo tập trung 18 tháng, trong đó có 06 tháng thực tập làm việc tại cơ quan, đơn vị đã tuyển dụng. Trường hợp phải tập sự thì thời gian đào tạo được tính vào thời gian tập sự. Hợp đồng với Học viện Hành chính Quốc gia để tổ chức thực hiện: xây dựng, thẩm định chương trình, tài liệu, bố trí giảng viên, tổ chức đào tạo.

b.2) Đào tạo nguồn chỉ huy trưởng quân sự cấp xã.

Đào tạo 01 lớp nguồn chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, số lượng 100 học viên, số lượng 100 học viên theo địa chỉ từng xã, phường, thị trấn. Đối tượng tuyển chọn, đào tạo là người tốt nghiệp đại học công lập chính quy, tập trung, đạt loại khá trở lên, dưới 35 tuổi; ưu tiên tuyển chọn các trường hợp đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ có trình độ đại học. Nội dung đào tạo: trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở hệ tập trung; trung cấp lý luận chính trị; chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên; tiếng Anh nâng cao, tin học nâng cao. Thời gian đào tạo 24 tháng. Học viên sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng, bổ nhiệm chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, được xếp ngạch, bậc lương theo ngạch chuyên viên. Áp dụng Quy định đền bù chi phí đào tạo công chức trong đào tạo, sử dụng nguồn chỉ huy trưởng quân sự cấp xã.

b.3) Đào tạo nguồn trưởng công an xã.

Đào tạo 02 lớp nguồn trưởng công an xã, số lượng 200 học viên theo địa chỉ từng xã. Đối tượng tuyển chọn, đào tạo: tốt nghiệp đại học chính quy, tập trung loại khá trở lên, dưới 35 tuổi, đủ tiêu chuẩn lý lịch và sức khỏe đối với đào tạo công an chính quy. Nội dung đào tạo: Trung cấp nghiệp vụ công an cơ sở; trung cấp lý luận chính trị; chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên; bảo mật tin học, tiếng Anh nâng cao. Thời gian đào tạo mỗi lớp 24 tháng tập trung. Học viên sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng, bổ nhiệm trưởng công an xã, được xếp ngạch, bậc lương theo ngạch chuyên viên. Áp dụng Quy định đền bù chi phí đào tạo công chức trong đào tạo, sử dụng nguồn trưởng công an xã.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 2 kèm theo.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý công nghệ thông tin (CIO) và chuyên môn, nghiệp vụ công nghệ thông tin.

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức quản lý, chuyên trách công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử.

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý công nghệ thông tin (CIO) cho 120 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ở trong nước và nước ngoài;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức mới cho 60 (480 lượt) công chức chuyên trách công nghệ thông tin;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức mới cho 200 (1600 lượt) viên chức chuyên trách công nghệ thông tin.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 3 kèm theo.

4. Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức y tế.

a) Mục tiêu.

Đáp ứng yêu cầu cơ bản y tế chất lượng cao, có cơ cấu hợp lý; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo.

b.1) Tổ chức đào tạo 30 công chức, viên chức quản lý về quản lý, phát triển bệnh viện tiên tiến ở nước ngoài.

b.2) Đào tạo 29 kíp phẫu thuật, điều trị bệnh các chuyên ngành ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 4 kèm theo.

5. Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giáo dục và đào tạo.

a) Mục tiêu.

Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức quản lý, giáo viên, giảng viên nòng cốt có năng lực chuyên môn cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng, phổ thông, mầm non và xây dựng mô hình trường tiên tiến, tích cực hội nhập quốc tế; làm hạt nhân thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo..

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

b.1) Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với công chức, viên chức quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông:

- Đào tạo 160 công chức, viên chức quản lý (mỗi năm 40 người) là công chức, viên chức quản lý Sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường mầm non và phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) đi bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý.



- Đào tạo 160 giáo viên cốt cán trung học phổ thông các bộ môn (mỗi năm 40 người) đi bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy.

Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức quản lý có thể sử dụng phiên dịch. Đối với giáo viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ phải trực tiếp sử dụng tiếng Anh (không sử dụng phiên dịch), nhằm bắt buộc học viên phải nâng cao năng lực tiếng Anh.

b.2) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức và giáo viên cốt cán các trường mầm non và phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) tại Việt Nam do chuyên gia nước ngoài giảng dạy:

+ Đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cho 800 công chức, viên chức quản lý các trường mầm non và phổ thông (mỗi năm 200 người).

+ Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và phương pháp nuôi dạy trẻ cho 1.000 giáo viên cốt cán các trường mầm non (mỗi năm 250 người).

+ Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho 1.000 giáo viên cốt cán các trường Tiểu học (mỗi năm 250 người); trong đó 800 giáo viên cơ bản và 200 giáo viên tiếng Anh.

+ Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho 1.000 giáo viên cốt cán các trường Trung học cơ sở (mỗi năm 250 người); trong đó 250 giáo viên Toán, 200 giáo viên Vật lý, 200 giáo viên Hóa học, 150 giáo viên Sinh học và 200 giáo viên tiếng Anh.

+ Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho 1.000 giáo viên cốt cán các trường Trung học phổ thông (mỗi năm 250 người); trong đó 250 giáo viên Toán, 200 giáo viên Vật lý, 200 giáo viên Hóa học, 150 giáo viên Sinh học và 200 giáo viên tiếng Anh.

b.3) Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức quản lý, giảng viên các trường cao đẳng, đại học Thủ đô.

- Đào tạo 70 công chức, viên chức quản lý (mỗi trường 5 người) thuộc các trường Đại học, cao đẳng, trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong của Thành phố về kinh nghiệm tổ chức, hoạt động, phát triển, xây dựng trường tiên tiến.

- Đào tạo theo hình thức thực tập chuyên môn 100 giảng viên các trường đại học, cao đẳng của Thành phố tại nước ngoài, sử dụng tiếng Anh.

1- Bồi dưỡng tiếng Anh cho 100 giảng viên (tiếng Anh, các chuyên môn giảng dạy bằng tiếng Anh) các trường Đại học, cao đẳng của Thành phố tại nước ngoài.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 5a, 5b kèm theo.

## 6. Đào tạo, bồi dưỡng viên chức văn hóa - nghệ thuật.

a) Mục tiêu: Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong một số lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức, chuyên gia trong ngành, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

Đào tạo khoảng 260 người có năng lực chuyên môn cao trong các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, bao gồm: Quản lý dịch vụ văn hóa, quản lý di sản, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, thư viện cộng đồng, marketing trong văn hóa và nghệ thuật, đạo diễn sân khấu, đạo diễn âm nhạc, đạo diễn âm thanh và ánh sáng, biên kịch, biên đạo múa, nhạc sĩ, diễn viên xiếc, ảo thuật. Hình thức đào tạo: mời chuyên gia nước ngoài vào giảng dạy kết hợp đi thực tập ở nước ngoài; một số chuyên ngành cử đi đào tạo ở nước ngoài.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 6 kèm theo.

## 7. Đào tạo, bồi dưỡng viên chức khoa học - công nghệ.

a) Mục tiêu.

Góp phần nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ, phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại của các nhà khoa học, công nghệ của Thành phố; hình thành đội ngũ chuyên gia khoa học, công nghệ trình độ cao, các nhóm nghiên cứu mạnh, có đủ năng lực giải quyết một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng của Thành phố.

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

b.1) Đào tạo 10 công chức, viên chức nâng cao năng lực quản lý khoa học, công nghệ;

b.2) Đào tạo, bồi dưỡng 08 nhóm nghiên cứu khoa học - công nghệ chuyên ngành (54 người) ở nước ngoài trong các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ mới, công nghệ cao.

b.3) Bồi dưỡng sau tiến sỹ ở trong nước và nước ngoài cho khoảng 25 người, trong các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ mới, công nghệ cao.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 7 kèm theo.

## 8. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quản lý du lịch.

a) Mục tiêu.

Nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức lĩnh vực du lịch; góp phần thúc đẩy phát triển du lịch của Thành phố.

b) Chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

- Đào tạo 60 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý du lịch về nâng cao năng lực quản lý, điều hành, phát triển ngành ở trong nước và nước ngoài.

- Đào tạo 180 cán bộ, công chức về nâng cao năng lực quản lý, phát triển du lịch ở trong nước.

- Đào tạo 180 công chức, viên chức quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về phát triển dịch vụ, sản phẩm du lịch ở trong nước.

Chi tiết các lớp và dự toán kinh phí có phụ lục số 8 kèm theo.

## **V. Nhiệm vụ và giải pháp.**

1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu, của cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và trách nhiệm của học viên (cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng) trong việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

2. Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế thuộc thẩm quyền của Thành phố đảm bảo đồng bộ, khoa học.

a) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách đồng bộ về đào tạo, quản lý, sử dụng nguồn nhân lực; điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, phát triển đối với viên chức; xây dựng chính sách mới, như chính sách đào tạo, sử dụng đội ngũ chuyên gia và nhóm nghiên cứu khoa học công nghệ; chính sách tài chính trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Đối với các lớp đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lớp, phải xây dựng nội dung, chương trình đào tạo chi tiết, cụ thể gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện; trong đó nêu rõ các yêu cầu cần thiết phải nghiên cứu, học tập và đề xuất được việc áp dụng thực hiện vào các nhiệm vụ cụ thể, thực tế của Thành phố.

3. Nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố.

a) Rà soát, cơ cấu lại các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đang thực hiện về nội dung, chương trình, đối tượng, cơ sở đào tạo; đồng thời cơ cấu lại kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo hướng ưu tiên thực hiện Đề án; kiên quyết cắt giảm các lớp bồi dưỡng không phù hợp với tiêu chí của lớp học về: đối tượng học viên, nội dung chương trình, thời gian học hoặc không bảo đảm chất lượng; thực hiện phân công rõ ràng, phối hợp chặt chẽ các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do Thành ủy tổ chức (lập, phê duyệt kế hoạch, tổ chức thực hiện) với các lớp đào tạo, bồi dưỡng do UBND Thành phố tổ chức.

Trong đó rà soát lại Kế hoạch đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2020; tăng cường đào tạo các ngành chính sách công, hành chính công, khoa học lãnh đạo, luật, quản lý xây dựng, đô thị cho đội ngũ



cán bộ, công chức; tăng cường đào tạo chuyên môn trong các lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ ưu tiên, công nghệ cao đối với viên chức.

b) Xây dựng các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo định hướng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng.

4. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng:

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả, thiết thực, bám sát yêu cầu thực tiễn, chú trọng kỹ năng thực hành phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn chức danh, lĩnh vực cho từng đối tượng đào tạo, bồi dưỡng.

- Đổi mới phương thức, cơ chế, chính sách quản lý đào tạo, bồi dưỡng theo hướng ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ khoa học, công nghệ, văn hóa, quy hoạch đô thị,... các lĩnh vực Thành phố đang cần và khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng.

- Củng cố, kiện toàn bộ máy ... và đội ngũ cán bộ, công chức quản lý; nâng cao trình độ năng lực đối với đội ngũ giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Thành phố; chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.

- Tăng cường đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới và tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng; mời chuyên gia đầu ngành trong nước, nước ngoài tham gia giảng dạy.

5. Thực hiện quản lý chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

a) Áp dụng thực hiện, xây dựng mới bộ chỉ số đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện Việt Nam và đáp ứng thông lệ quốc tế;

b) Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng với nhiều hình thức: Đánh giá trong đào tạo; đánh giá ngoài (trước và sau đào tạo); thuê cơ quan, tổ chức đánh giá độc lập;

c) Sở Nội vụ, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện quản lý chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

6. Tăng cường hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo, tổ chức, chuyên gia có năng lực và uy tín.

a) Hợp đồng với các cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân có năng lực, uy tín ở trong nước, nước ngoài tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Đẩy mạnh, đa dạng hóa các hình thức hợp tác đào tạo, bồi dưỡng: du học; du học tại chỗ; kết hợp đào tạo, bồi dưỡng trong nước với học tập, nghiên cứu ở nước ngoài; nghiên cứu, áp dụng mô hình đào tạo nâng cao chất lượng

đối với công chức mới được tuyển dụng (theo phương thức đào tạo của ENA), công chức nguồn cấp xã và phát triển đội ngũ chuyên gia của Thành phố.

#### 7. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng.

Áp dụng hình thức đào tạo, bồi dưỡng tập trung là chủ yếu; kết hợp với các hình thức bán tập trung, vừa làm vừa học, phù hợp từng loại hình lớp học.

#### 8. Chính sách tài chính.

- a) Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Quyết định;
- b) Thu hút và đa dạng hóa nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

### **VI. Lộ trình và kinh phí thực hiện.**

#### 1. Lộ trình thực hiện 2017 - 2020.

- a) Tuyên truyền, triển khai thực hiện Quyết định; thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản Quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực trong năm 2017 và 2018;
- b) Tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã phê duyệt theo từng năm (theo phụ lục số 9 kèm theo Quyết định);
- c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác trong Quyết định phê duyệt Đề án trong các năm từ 2017 đến 2020.

#### 2. Kinh phí.

Tổng kinh phí thực hiện từ năm 2017 đến 2020: 477.903.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy tỷ, chín trăm ba triệu đồng) từ ngân sách Thành phố.

### **VII. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Thành lập Ban Chỉ đạo của Thành phố để tổ chức thực hiện.

2. Các Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan tương đương sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và các cơ quan liên quan của Thành phố xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

3. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, giúp UBND Thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan, đơn vị của Thành phố tổ chức thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các sở, cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và yêu cầu, tiến độ theo quy định; tổng hợp, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhà khoa học, chuyên gia để xây dựng nội dung chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; hướng dẫn,

thẩm định nội dung, chương trình đào tạo các lớp đào tạo chất lượng cao của các sở trình UBND Thành phố phê duyệt.

c) Tiến hành đánh giá sơ kết 03 năm, tổng kết 05 năm thực hiện Đề án.

d) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quyết định:

- Bổ sung Quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (trong đó có các nhà khoa học, công nghệ) sau đào tạo, bồi dưỡng trong Quyết định phân cấp quản lý công chức và Quyết định phân cấp quản lý viên chức;

- Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND Thành phố ban hành Quy định đào tạo, bồi dưỡng công chức và giảng viên thỉnh giảng;

- Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND Thành phố ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Ưu đãi, khuyến khích đào tạo tài năng Thành phố;

- Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2020, trong đó điều chỉnh tăng chỉ tiêu đào tạo sau đại học các ngành chính sách công, hành chính công, khoa học lãnh đạo, luật, quản lý xây dựng, đô thị cho cán bộ, công chức và các ngành chuyên môn đối với viên chức.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan, đơn vị của Thành phố, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước, nước ngoài tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại phụ lục số 1, 2, 5b của Quyết định;

- Phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung, chương trình, tài liệu, tổ chức thực hiện lớp thí điểm đào tạo công chức theo mô hình đào tạo của trường hành chính ENA (Cộng hòa Pháp); rà soát kế hoạch đào tạo sau đại học của Thành phố đến năm 2020, đề xuất bổ sung, thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đào tạo sau đại học các ngành hành chính;

- Phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội (làm đầu mối), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia, các cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý Ban quản lý dự án ở trong nước và nước ngoài; rà soát kế hoạch đào tạo sau đại học của Thành phố đến năm 2020, đề xuất bổ sung, thực hiện đào tạo sau đại học các ngành chính sách công, khoa học lãnh đạo, luật;

- Phối hợp với Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị để thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý xây dựng, đô thị, đào tạo sau đại học về quản lý xây dựng, đô thị;

- Phối hợp với Bộ Tư lệnh Thủ đô tổ chức đào tạo lớp nguồn công chức chỉ huy trưởng quân sự cấp xã;

- Phối hợp với Công an Thành phố tổ chức đào tạo các lớp nguồn công chức trưởng công an xã;

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện: Nâng cao chất lượng các chương trình, tài liệu đào tạo; quản lý chất lượng đào tạo; xây dựng đội ngũ giảng viên.

#### 4. Sở Tài chính:

Bố trí đủ nguồn kinh phí ngân sách Thành phố dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố;

#### 5. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý và tin học nâng cao cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo phụ lục số 3 kèm theo Quyết định.

6. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức thực hiện đào tạo viên chức y tế theo phụ lục số 4 kèm theo Quyết định.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, UBND quận, huyện, thị xã, hợp đồng với các cơ sở đào tạo có uy tín để tổ chức thực hiện đào tạo công chức, viên chức quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông theo phụ lục số 5a kèm theo Quyết định.

8. Sở Văn hóa - Thể thao: Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, tổ chức thực hiện đào tạo công chức, viên chức trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật theo phụ lục số 6 kèm theo Quyết định.

#### 9. Sở Khoa học - Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức thực hiện đào tạo công chức, viên chức, nhóm nghiên cứu khoa học, công nghệ chuyên ngành, bồi dưỡng sau tiến sĩ theo phụ lục số 7 kèm theo Quyết định.

#### 10. Sở Du lịch:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức lĩnh vực du lịch theo phụ lục số 8 kèm theo Quyết định.

11. Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tăng cường hợp tác quốc tế; phát huy các nguồn lực quốc tế hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố; tổ chức các đoàn công tác của lãnh đạo Thành phố đi nước ngoài nghiên cứu, áp dụng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, các Giám đốc sở, Người đứng đầu cơ quan tương đương sở, Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã và cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Nguyễn*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy; (Đề báo cáo)
- Thường trực HĐND TP;
- UBND Thành phố;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, SNV. *TL*

12509 (1307)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH *TL*



*Nguyễn Đức Chung*

www.LuatVietnam.vn



BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
(Kèm theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (lượt người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Cán bộ, công chức	11850		125						51,377	51,377			
1	Cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý sở, quận, huyện	484		12	20	10	14			10,270	10,270			
a	Chương trình trong nước	400	Kiến thức chung về chính trị, pháp luật, kinh tế. Tâm nhìn, quản lý chiến lược, chế độ trách nhiệm; các kiến thức, kỹ năng bổ trợ	8	10	10		Học viện Hành chính Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội		1,870	1,870			
b	Phần chương trình kinh nghiệm quốc tế: Lựa chọn Giám đốc sở, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND	84	Kiến thức, kinh nghiệm quốc tế	4	10		14	Nt	Trường ĐT cán bộ cao cấp Australia và Newzealand	8,400	8,400			
2	Trưởng, phó phòng sở, quận, huyện	1734	Nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, hội nhập quốc tế, quản lý nhà nước	17	20	20				16,213	16,213			
3	Công chức chuyên môn, nghiệp vụ	5500	Nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ	55	3	3				7,714	7,714			
4	Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp xã	1432	Nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, thực thi công vụ, nhiệm vụ	14	20	20				13,393	13,393			

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (lượt người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Công chức tiếp công dân, bộ phận một cửa	2700	Nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ	27	3	3				3,787	3,787			
II	Công chức, viên chức, lãnh đạo quản lý các Ban quản lý dự án	240		6	20	10	14			7,820	7,820			
1	Chương trình đào tạo trong nước	200	Nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, phát triển dự án; tầm nhìn, quản lý chiến lược	4	10	10		Bộ Kế hoạch và Đầu tư		3,820	3,820			
2	Cử 40 trưởng Ban quản lý đi học tập kinh nghiệm quốc tế	40	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý, phát triển dự án	2	10		14			4,000	4,000			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12090</b>		<b>131</b>						<b>59,197</b>	<b>59,197</b>			

**BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC MỚI TUYỂN DỤNG, NGUỒN TRƯỞNG CÔNG AN XÃ VÀ CHỈ HUY TRƯỞNG QUÂN SỰ CẤP XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số **2315** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **4** năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Đào tạo công chức mới tuyển dụng theo mô hình ENA	1000	Đào tạo kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước	10	18 tháng	18 tháng		Học viện Hành chính Quốc gia		63,000	63,000			
II	Đào tạo nguồn chỉ huy trưởng cấp xã	100	Trung cấp quân sự cơ sở, trung cấp lý luận chính trị	1	24 tháng	24 tháng		Bộ Tư lệnh Thủ đô		7,723	7,723			
III	Đào tạo nguồn Trưởng công an xã	200	Trung cấp nghiệp vụ Trưởng công an xã, Trung cấp LLCT	2	24 tháng	24 tháng		Công an Thành phố		20,126	20,126			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1300</b>		<b>13</b>						<b>90,849</b>	<b>90,849</b>			

Ghi chú: Áp dụng mức thu học phí chuyên viên cao cấp là 1 người/khóa = 2 tháng là 5 triệu đồng, 1 tháng = 2.5 triệu đồng/người theo thông báo số 1602/HVHCQG ngày 25/12/2015 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia để dự toán kinh phí đào tạo công chức (nguồn) theo mô hình trường Hành chính ENA

BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CHUYÊN TRÁCH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
(Kèm theo Quyết định số 2315 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (lượt người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý về công nghệ thông tin (CIO) và chuyên môn, nghiệp vụ CNTT	2200		106						11,596	11,596			
1	Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý CNTT	120	Đào tạo, bồi dưỡng CIO	2	10	5	7	Trung tâm Đào tạo CNTT	Singapore	5,163	5,163			
2	Công chức chuyên trách CNTT	480	Đào tạo nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ	24				Trung tâm Đào tạo CNTT		1,566	1,566			
3	Viên chức chuyên trách CNTT	1600	Đào tạo nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ	80				Trung tâm Đào tạo CNTT		4,867	4,867			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2200</b>		<b>106</b>						<b>11,596</b>	<b>11,596</b>			

BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Công chức, viên chức Sở Y tế	30	Nâng cao trình độ quản lý Y tế theo mô hình các nước tiên tiến	2	14		14		Pháp	3,660	3,660			
II	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	46		9						7,360	7,360			
1	Kíp phẫu thuật thần kinh	5	Phẫu thuật thần kinh	1	180	90	90		Pháp	920	920			
2	Kíp phẫu thuật tiêu hóa - ghép tạng	5	Phẫu thuật tiêu hóa	1	180	90	90		Pháp	920	920			
3	Kíp phẫu thuật Tiết niệu - ghép Thận	4	Phẫu thuật tiết niệu	1	180	90	90		Pháp					
4	Kíp phẫu thuật Tim mạch, lồng ngực	6	Phẫu thuật tim - mạch	1	180	90	90		Pháp	920	920			
5	Kíp phẫu thuật chấn thương, chỉnh hình	5	Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	1	180	90	90		Pháp	920	920			
6	Kíp gây mê hồi sức - chống độc	6	Gây mê hồi sức, chống độc	1	180	90	90		Pháp	920	920			
7	Kíp Hồi sức nội Thân	5	Hồi sức nội thân	1	180	90	90		Pháp	920	920			
8	Kíp Chẩn đoán hình ảnh	6	X Quang can thiệp	1	180	90	90		Pháp	920	920			
9	Kíp nội soi tiêu hóa	4	Nội soi tiêu hóa	1	180	90	90		Pháp	920	920			
III	Bệnh viện Thanh Nhân	21		5						4,600	4,600			
10	Kíp Phẫu thuật nội soi tiêu hóa	4	Phẫu thuật nội soi tiêu hóa	1	180	90	90		Pháp	920	920			
11	Kíp phẫu thuật ghép gan, thận	4	Phẫu thuật ghép gan, thận	1	180	90	90		Pháp	920	920			
12	Kíp nội soi tiêu hóa	3	Kỹ thuật nội soi tiêu hóa	1	180	90	90		Pháp	920	920			
13	Kíp tuần hoàn ngoài cơ thể	4	Lọc máu ngoài Thân	1	180	90	90		Pháp	920	920			
14	Kíp thăm dò chức năng	6	Thăm dò HĐ học	1	180	90	90		Pháp	920	920			



STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
IV	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	58		7		90	90			6,440	6,440			
15	Kíp Hồi sức cấp cứu	15	Hồi sức cấp cứu	1	180	90	90		Pháp	920	920			
16	Kíp gây mê hồi sức	10	Gây mê hồi sức	1	180	90	90		Pháp	920	920			
17	Kíp phẫu thuật ổ bụng	4	Phẫu thuật ổ bụng	1	180	90	90		Pháp	920	920			
18	Kíp phẫu thuật thận- Tiết niệu	2	Phẫu thuật tiết niệu	1	180	90	90		Pháp	920	920			
19	Kíp phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	4	Chấn thương chỉnh hình	1	180	90	90		Pháp	920	920			
20	Kíp Chẩn đoán hình ảnh	13	Chẩn đoán hình ảnh	1	180	90	90		Pháp	920	920			
21	Kíp nội soi	10	Nội soi tổng hợp	1	180	90	90		Pháp	920	920			
V	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba	29		7						6,210	6,210			
22	Kíp phẫu thuật hàm mặt	2	Phẫu thuật hàm mặt	1	90		90		Mỹ	920	920			
23	Kíp kỹ thuật điều trị răng miệng	2	Chỉnh nha kỹ thuật cao	1	270	90	180	TP HCM	Mỹ	920	920			
24	Kíp Gây mê hồi sức	3	Gây mê hồi sức vùng đầu cổ	1	180	90	90	TP HCM	Singapore	920	920			
25	Kíp phẫu thuật bàn tay	3	Phẫu thuật bàn tay	1	180	90	90	TP HCM	Đài Loan	920	920			
26	Kíp phẫu thuật Tai	6	+ Cây ốc tai điện tử. + Phẫu thuật nền sọ bên.	1	90		90		Mỹ	920	920			
27	Kíp phẫu thuật xoang mũi	6	+ Phẫu thuật nội soi xoang mũi. + Phẫu thuật nền sọ trước	1	90		90		Đài Loan	690	690			
28	Kíp phẫu thuật đầu cổ	7	+ Phẫu thuật tuyến giáp. + Phẫu thuật K thanh quản + Nao vét hạch cổ	1	90		90		Mỹ	920	920			
VI	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Hà Nội	7		1						854	854			
29	Kíp hỗ trợ quản lý và điều trị Methadol	7	Quản lý và điều trị Methadol Hỗ trợ điều trị Methadol	1	15		15		Pháp	854	854			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>191</b>		<b>31</b>						<b>29,124</b>	<b>29,124</b>			

BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG  
(Kèm theo Quyết định số 2315 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)		Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Ngoài nước	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài	320		16						32,000	32,000			
1	Công chức, viên chức quản lý các trường mầm non, phổ thông: Tiểu học, THCS, THPT	160	Kiến thức, kinh nghiệm tổ chức hoạt động, phát triển nhà trường (nghịệp vụ quản lý)	8	12		12		Australia hoặc các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến	16,000	16,000			
2	Giáo viên cốt cán THPT	160	Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; Phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy	8	12		12		Australia hoặc các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến	16,000	16,000			
II	Đào tạo, bồi dưỡng ở Việt Nam do chuyên gia nước ngoài giảng dạy	4,800		192						24,000	24,000			
1	Công chức, viên chức quản lý các trường mầm non, phổ thông: Tiểu học, THCS, THPT	800	Kiến thức, kinh nghiệm tổ chức hoạt động, phát triển nhà trường (nghịệp vụ quản lý)	32	10	10				4,000	4,000			
2	Giáo viên mầm non	1,000	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp nuôi dạy trẻ	40	10	10				5,000	5,000			
3	Giáo viên Tiểu học	1,000	Kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy	40	10	10				5,000	5,000			

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)		Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Ngoài nước	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Giáo viên cơ bản	800	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	32	10	10				4,000	4,000			
	Giáo viên Tiếng Anh	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			
4	Giáo viên THCS	1,000	Kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy	40	10	10				5,000	5,000			
	Giáo viên Tiếng Anh	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			
	Giáo viên Toán	250	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	10	10	10				1,250	1,250			
	Giáo viên Vật lý	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			
	Giáo viên Hóa học	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			
	Giáo viên Sinh học	150	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	6	10	10				750	750			
5	Giáo viên THPT	1,000	Kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy	40	10	10				5,000	5,000			
	Giáo viên Tiếng Anh	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			
	Giáo viên Toán	250	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	10	10	10				1,250	1,250			
	Giáo viên Vật lý	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)		Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Ngoài nước	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Giáo viên Hóa học	200	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	8	10	10				1,000	1,000			
	Giáo viên Sinh học	150	Kiến thức chuyên môn, Phương pháp giảng dạy	6	10	10				750	750			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5,120</b>		<b>208</b>						<b>56,000</b>	<b>56,000</b>			

www.LuatVietnam.vn

**BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**  
(Kèm theo Quyết định số **2315** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **4** năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)		Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Ngoài nước	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Công chức, viên chức quản lý trường Đại học, Cao đẳng	70	Kiến thức, kinh nghiệm tổ chức hoạt động, phát triển nhà trường	2	21		21		Singapore	15,190	15,190			
2	Thực tập chuyên môn giảng viên Đại học, Cao đẳng	100	Kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ	-	90		90		Các nước	30,000	30,000			
3	Giảng viên tiếng Anh; giảng viên dạy bằng tiếng Anh	100	Kiến thức, kỹ năng giảng dạy bằng tiếng Anh	5	90		90		Anh	30,000	30,000			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>270</b>		<b>7</b>						<b>75,190</b>	<b>75,190</b>			

Ghi chú: - Thực tập chuyên môn và tiếng Anh dự toán chi 100 triệu đồng/người/tháng



**BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số **2315/QĐ-UBND** ngày **17 tháng 4** năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Ngoài nước	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Công chức, viên chức làm công tác quản lý văn hóa nghệ thuật của Sở và các đơn vị nghệ thuật	50	Quản lý hoạt động dịch vụ văn hóa nghệ thuật	1	10	10		Trường Cán bộ quản lý Văn hóa, Thể thao và Du lịch		1,007,435	1,007,435			
2	Công chức, viên chức làm công tác quản lý nghiệp vụ về di sản văn hóa	40	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong hội nhập quốc tế	1	10		14		Pháp	4,051,485	4,051,485			
3	Viên chức quản lý, viên chức làm công tác nghiệp vụ thư viện	40	Thư viện cộng đồng	1	10		14		Trường chính sách công Lý Quang Diệu - Singapore	4,051,485	4,051,485			
4	Công chức, viên chức làm công tác quản lý, nghiệp vụ về văn hóa nghệ thuật	50	Marketing trong văn hóa và nghệ thuật	1	10	10		Đại học Quốc gia Hà Nội		1,007,435	1,007,435			
5	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Đạo diễn sân khấu	1	520		520		Anh	10,837,988	10,837,988			
6	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Đạo diễn âm nhạc	1	520		520		Anh	10,837,988	10,837,988			
7	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Đạo diễn âm thanh và ánh sáng	1	520		520		Pháp	10,837,988	10,837,988			
8	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Biên kịch	1	520		520		Mỹ	10,837,988	10,837,988			

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)		Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Ngoài nước	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
9	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Biên đạo múa	1	520		520		Pháp	10,837,988	10,837,988			
10	Diễn viên Nhà hát Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ HN	10	Diễn viên xiếc, ảo thuật	1	520		520		Nga	10,837,988	10,837,988			
11	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Họa sĩ thiết kế sân khấu	1	520		520		Pháp	10,837,988	10,837,988			
12	Viên chức các đơn vị nghệ thuật	10	Họa sĩ thiết kế phục trang sân khấu	1	520		520		Pháp	10,837,988	10,837,988			
	<b>Tổng cộng</b> (Làm tròn)	260		12						96,821,744	96,821,744			
										96,822	96,822			

BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 2315 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Sở Khoa học - Công nghệ	27		4						19,500	19,500			
1	Công chức, viên chức quản lý Khoa học Công nghệ	10	Quản lý khoa học và công nghệ	1	16	9	7	Trường Nghiệp vụ quản lý Khoa học và Công nghệ - Bộ Khoa học	Nhật Bản, Hàn Quốc	1,500	1,500			
2	Công chức, viên chức chuyên ngành điện tử - tự động hóa	5	Điện tử - Tự động hóa	1	300		300		Đại học Cutin - Úc	6,000	6,000			
3	Công chức, viên chức chuyên ngành sinh học	4	Công nghệ sinh học	1	180		180		Nhật	4,000	4,000			
4	Công chức, viên chức Sở Khoa học - Công nghệ, Sở Xây dựng, Đại học Thủ đô chuyên ngành vật liệu	8	Nghiên cứu về lĩnh vực vật liệu mới	1	180		180		Đức	8,000	8,000			
II	Sở Thông tin và Truyền thông	28		4						19,375	19,375			
1	Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin Truyền thông, Thành phố	7	Nghiên cứu Chính phủ điện tử, thành phố thông minh	1	30		30		Hàn Quốc	3,898	3,898			

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)				
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó			
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, Thành phố	7	Khóa Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên nghiệp về Phần cứng máy tính	1	160		160		Đức	5,159	5,159			
3	Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, Thành phố	7	Khóa Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên nghiệp về Quản trị mạng và bảo mật	1	160		160		Đức	5,159	5,159			
4	Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, Thành phố	7	Khóa Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên nghiệp về Ứng dụng Web	1	160		160		Đức	5,159	5,159			
III	<b>Sở Tài nguyên môi trường</b>	9		1						9,000	9,000			
1	Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, Thành phố	9	Nghiên cứu về Công nghệ môi trường	1	180		180		Nhật Bản	9,000	9,000			
IV	Bồi dưỡng sau tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài	25			1-2 năm					3,750	3,750			
	<b>Tổng cộng</b>	89		9						51,625	51,625			

Ghi chú: Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng sau tiến sĩ áp dụng mức hỗ trợ, khuyến khích nhân tài là 25 người \* 24 tháng \* 5 \* 1,250,000VND

BIỂU CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGÀNH DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

STT	Đối tượng đào tạo và tên lớp đào tạo	Số lượng học viên (người)	Nội dung, chương trình đào tạo	Số lớp học	Thời gian đào tạo bình quân 1 lớp (ngày)			Tên cơ sở đào tạo (dự kiến)		Dự toán kinh phí (triệu đồng)					
					Tổng số (ngày)	Chia ra		Trong nước	Nước ngoài	Tổng dự toán	Trong đó				
						Trong nước	Nước ngoài (nếu có)				Ngân sách	Cơ quan, đơn vị	Cá nhân học viên	Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	- Đối tượng: GD, PGD, TP, PTP, CVC Sở Du lịch; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện phụ trách lĩnh vực du lịch. - Tên lớp: Lãnh đạo ngành du lịch với việc hoạch định chính sách để phát triển bền vững.	60	Bồi dưỡng kiến thức nâng cao về năng lực tham mưu, hoạch định chính sách, cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực du lịch	2	15	5	10	Trường quốc tế về đào tạo, ĐHKHXHNV, ĐHKQTĐ, ĐHTM, các chuyên gia	Pháp hoặc Úc (80.000.000đ/học viên)	5,100	5,100				
2	- Đối tượng: công chức cấp huyện chuyên quản du lịch; cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã có điểm du lịch. - Tên lớp: Nâng cao kiến thức quản lý và phát triển hoạt động du lịch hiệu quả.	180	Đào tạo kiến thức về quản lý nhà nước, nâng cao kiến thức về du lịch. Mời giảng viên trong nước và quốc tế	6	10	10				1,200	1,200				
3	- Đối tượng: công chức, viên chức lãnh đạo và chuyên môn thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố Hà Nội cung cấp dịch vụ công liên quan đến phát triển du lịch tại các điểm di tích, vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật. - Tên lớp: Chuyên nghiệp hóa hoạt động của các đơn vị sự nghiệp để quảng bá du lịch trong nước.	180	Đào tạo nâng cao kiến thức về du lịch và thực hiện phát triển sản phẩm du lịch. Mời giảng viên trong nước và quốc tế	6	10	10	BQL Dự án EU-Tổng cục du lịch ĐHKHXHNV, ĐHKQTĐ, ĐHTM, Đại học Mở, các chuyên gia, giảng viên trong và ngoài nước (Pháp, Nhật...)			1,200	1,200				
<b>Tổng cộng</b>		420		14		Trang 1/1				7,500	7,500				



BIỂU KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC LỚP  
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu 5 năm	Năm								Phân công			
			2017		2018		2019		2020		Cơ quan chủ trì	Dự kiến cơ quan, đơn vị phối hợp		
			Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên	Số lớp	Số học viên				
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
A	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng													
I	Đào tạo cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý													
1	Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho cán bộ, công chức, lãnh đạo sở, quận, huyện	- 12 lớp - 484 người	8	400	4	84						Sở Nội vụ	Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐT cán bộ cao cấp Australia và Newzealand	
2	Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, hội nhập quốc tế, quản lý nhà nước cho Trưởng, phó phòng quận, huyện	- 17 lớp - 1734 người	17	1734										
3	Nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ cho công chức chuyên môn, nghiệp vụ	- 55 lớp - 5500 người	25	2500	30	3000								
4	Nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý, thực thi công vụ, nhiệm vụ cho Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp xã	- 14 lớp - 1432 người	14	1432										

5	Nâng cao năng lực thực thi công vụ, nhiệm vụ cho công chức tiếp công dân, bộ phận một cửa	- 27 lớp - 2700 người	27	2700								
6	Nâng cao năng lực quản lý, phát triển của công chức, viên chức, lãnh đạo quản lý các Ban quản lý dự án (Chương trình trong nước)	- 4 lớp - 200 người	4	200							Sở Nội vụ	
7	Học tập kinh nghiệm quốc tế đối với trưởng Ban quản lý dự án	- 2 lớp - 40 người			2	40					Sở Nội vụ	
<b>II</b>	<b>Đào tạo công chức mới tuyển dụng, công chức nguồn cấp xã</b>											
1	Đào tạo công chức theo mô hình ENA	- 10 lớp - 1000 người	2	200	3	300	3	300	2	200	Sở Nội vụ	Học viện Hành chính
2	Đào tạo nguồn chỉ huy trưởng quân sự cấp xã	- 1 lớp - 100 người			1	100					Sở Nội vụ	Bộ Tư lệnh Thủ đô
3	Đào tạo nguồn Trưởng công an xã	- 2 lớp - 200 người	1	100	1	100					Sở Nội vụ	Công an Thành phố
<b>III</b>	<b>Đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý về công nghệ thông tin (CIO) và chuyên môn, nghiệp vụ CNTT</b>											
1	Đào tạo CB, CC, VC lãnh đạo quản lý CNTT	- 2 lớp - 120 người	1	60	1	60					Sở TTTT	
2	Đào tạo công chức chuyên trách CNTT	- 24 lớp - 480 người	6	120	6	120	6	120	6	120	Sở TTTT	
3	Đào tạo viên chức chuyên trách CNTT	- 80 lớp - 1600 người	20	400	20	400	20	400	20	400	Sở TTTT	
<b>IV</b>	<b>Đào tạo viên chức y tế</b>											
1	Đào tạo cho công chức, viên chức Sở Y tế	- 2 lớp - 30 người	1	15	1	15					Sở Y tế	

2	Đào tạo kíp phẫu thuật và điều trị bệnh chuyên ngành	- 29 lớp - 161 người	17	75	12	86					Sở Y tế	
V	<b>Đào tạo, bồi dưỡng viên chức giáo dục - đào tạo</b>											
a)	<i>Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giáo dục, đào tạo các trường mầm non, phổ thông</i>											
1	Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức quản lý các trường mầm non, phổ thông: Tiểu học, THCS, THPT	- 8 lớp - 160 người	2	40	2	40	2	40	2	40	Sở GD - ĐT	
2	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cốt cán THPT	- 8 lớp - 160 người	2	40	2	40	2	40	2	40	Sở GD - ĐT	
3	Đào tạo công chức, viên chức quản lý các trường mầm non, phổ thông: Tiểu học, THCS, THPT	- 32 lớp - 800 người	8	200	8	200	8	200	8	200	Sở GD - ĐT	
4	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, phương pháp nuôi dạy trẻ cho giáo viên mầm non	- 40 lớp - 1000 người	10	250	10	250	10	250	10	250	Sở GD - ĐT	
5	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy cho giáo viên Tiểu học	- 40 lớp - 1000 người	10	250	10	250	10	250	10	250	Sở GD - ĐT	
6	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy cho giáo viên THCS	- 40 lớp - 1000 người	10	250	10	250	10	250	10	250	Sở GD - ĐT	
7	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy cho giáo viên THPT	- 40 lớp - 1000 người	10	250	10	250	10	250	10	250	Sở GD - ĐT	
b)	<i>Đào tạo công chức, viên chức quản lý, giảng viên các trường đại học, cao đẳng</i>											

1	Công chức, viên chức quản lý trường Đại học, Cao đẳng	- 2 lớp - 70 người	1	35	1	35					Sở Nội vụ
2	Thực tập chuyên môn giảng viên Đại học, Cao đẳng	- 100 người - 5 lớp	1	20	2	40	2	40			Sở Nội vụ
3	Giảng viên Tiếng Anh; giảng viên dạy bằng tiếng Anh	- 5 lớp - 100 người	1	20	2	40	2	40			Sở Nội vụ
<b>VI</b>	<b>Đào tạo viên chức văn hóa - nghệ thuật</b>										
1	Công chức, viên chức làm công tác quản lý văn hóa nghệ thuật của Sở và các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 50 người			1	50					Sở VH - TT
2	Công chức, viên chức làm công tác quản lý nghiệp vụ về di sản văn hóa	- 1 lớp - 40 người			1	40					Sở VH - TT
3	Viên chức quản lý, viên chức làm công tác nghiệp vụ thư viện	- 1 lớp - 40 người					1	40			Sở VH - TT
4	Công chức, viên chức làm công tác quản lý, nghiệp vụ về văn hóa nghệ thuật	- 1 lớp - 50 người					1	50			Sở VH - TT
5	Đạo diễn sân khấu dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người			1	10					Sở VH - TT
6	Đạo diễn âm nhạc dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người					1	10			Sở VH - TT
7	Đạo diễn âm thanh và ánh sáng dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người					1	10			Sở VH - TT
8	Biên kịch dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người	1	10							Sở VH - TT
9	Biên đạo múa dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người			1	10					Sở VH - TT
10	Đạo diễn xiếc, ảo thuật dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người					1	10			Sở VH - TT

11	Họa sĩ thiết kế sân khấu dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người			1	10					Sở VH - TT	
12	Họa sĩ thiết kế phục trang sân khấu dành cho viên chức các đơn vị nghệ thuật	- 1 lớp - 10 người			1	10					Sở VH - TT	
<b>VII</b>	<b>Đào tạo viên chức khoa học, công nghệ</b>											
1	Công chức, viên chức quản lý Khoa học Công nghệ	- 1 lớp - 10 người	1	10							Sở KH-CN	
2	Đào tạo nhân lực khoa học công nghệ cao - Điện tử - Tự động hóa	- 1 lớp - 5 người			1	5					Sở KH-CN	
3	Đào tạo nhân lực khoa học công nghệ cao - Công nghệ sinh học	- 1 lớp - 4 người					1	4			Sở KH-CN	
4	Đào tạo về Chính phủ điện tử, thành phố thông minh cho viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin Truyền thông, Thành phố	- 1 lớp - 7 người			1	7					Sở KH-CN	Sở TTTT
5	Khóa Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên nghiệp về Phần cứng máy tính cho viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin Truyền thông, Thành phố	- 1 lớp - 7 người							1	7	Sở KH-CN	Sở TTTT
6	Khóa Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên nghiệp về Quản trị mạng và bảo mật cho viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin Truyền thông, Thành phố	- 1 lớp - 7 người					1	7			Sở KH-CN	Sở TTTT

7	Khóa Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên nghiệp về Ứng dụng Web	- 1 lớp - 7 người	1	7							Sở KHCN	Sở TTTT
8	Đào tạo Nghiên cứu về Công nghệ môi trường cho viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên môi trường, Thành	- 1 lớp - 9 người			1	9					Sở KHCN	Sở Tài nguyên Môi trường
9	Đào tạo nghiên cứu về lĩnh vực vật liệu mới cho viên chức Sở Khoa học - Công nghệ, Sở Xây dựng, Đại học Thủ đô	- 1 lớp - 8 người			1	8					Sở KHCN	
10	Bồi dưỡng sau tiến sỹ ở trong nước và nước ngoài	- 3 lớp - 25 người				10		10		5	Sở KHCN	
<b>VIII</b>	<b>Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành du lịch</b>											
	<i>Đào tạo lãnh đạo, quản lý ngành du lịch</i>											
1	Đào tạo lãnh đạo ngành du lịch với việc hoạch định chính sách để phát triển bền vững cho đối tượng: GD, PGD, TP, PTP, CVC Sở Du lịch; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện phụ trách lĩnh vực du lịch	- 2 lớp - 60 người	1	30	1	30					Sở Du lịch	
2	Nâng cao kiến thức để quản lý và phát triển hoạt động du lịch hiệu quả cho đối tượng: chuyên viên vị trí chuyên quản du lịch cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã có điểm du lịch.	- 6 lớp - 180 người	2	60	2	60	2	60			Sở Du lịch	

3	Chuyên nghiệp hóa hoạt động của các đơn vị sự nghiệp để quảng bá du lịch trong nước cho đối tượng: công chức, viên chức lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Hà Nội cung cấp dịch vụ công liên quan đến phát triển du lịch tại các điểm di tích, vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật	- 6 lớp - 180 người	2	60	2	60	2	60			Sở Du lịch	
<b>Tổng số</b>			<b>194</b>	<b>11468</b>	<b>142</b>	<b>6009</b>	<b>89</b>	<b>2441</b>	<b>80</b>	<b>2012</b>		
B	<b>Kinh phí thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn ngân sách Thành phố cấp (đơn vị tính: triệu đồng)</b>	477.903	144.193,83		192.051,67		107.540,25		34.117,25			

